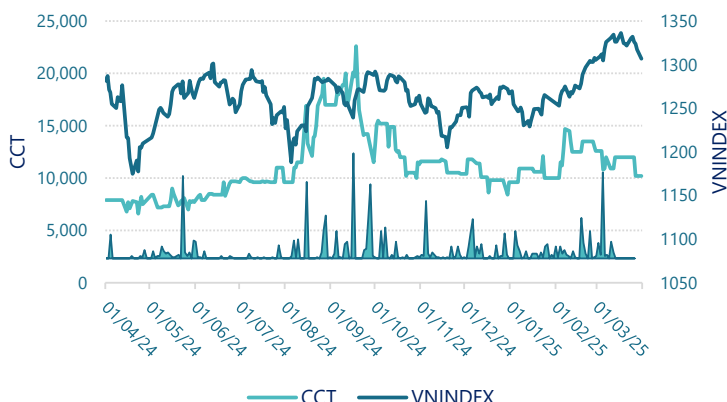


CTCP Cảng Cần Thơ (UPCOM: CCT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	22,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
SL cổ phiếu LH	28,480,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	160
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	290
P/E	54.8
EPS	186

DT thuần

Q1/25

33.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.0 | -26.6%

YoY: ▼1.60 | -4.6%

LN sau thuế

Q1/25

2.40

tỷ VNĐ

QoQ: ▲1.87 | 354%

YoY: ▲1.65 | 221%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

4.3%

+/- YoY: ▼2.9%

DT thuần

2024

156

tỷ VNĐ

YoY: ▲9.00 | 6.1%

LN sau thuế

2024

3.65

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.80 | -43.4%

ROE

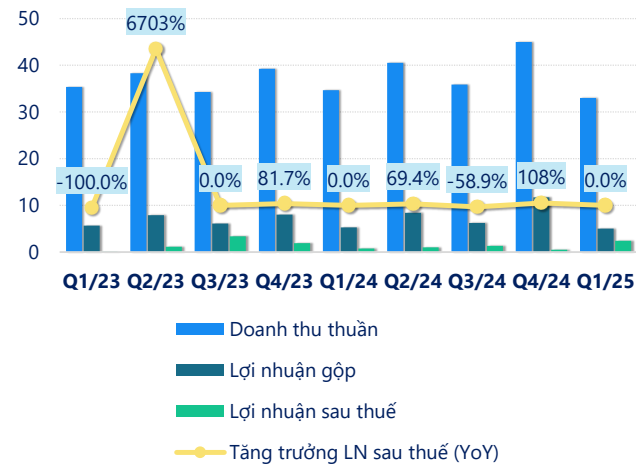
2024

1.4%

+/- YoY: ▼1.1%

tỷ VNĐ

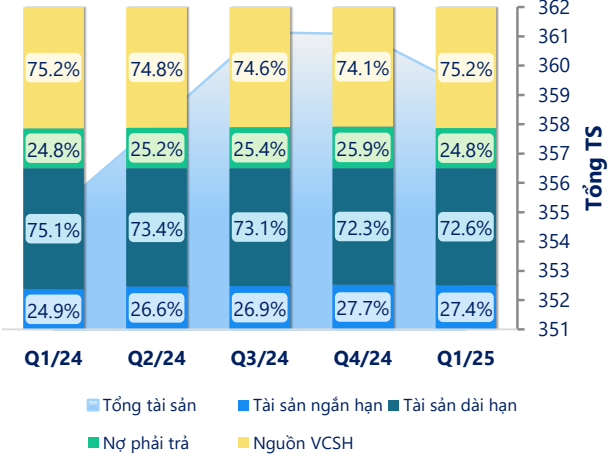
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

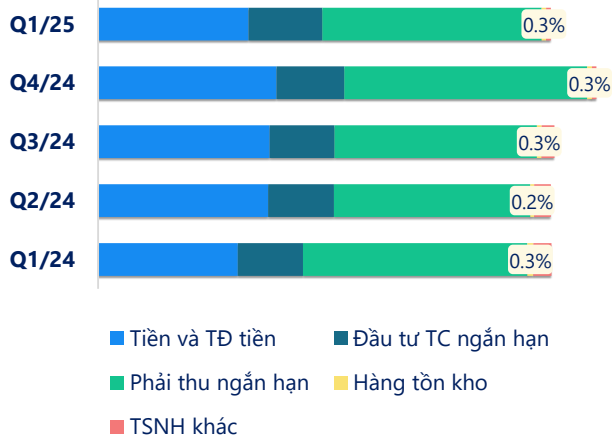
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



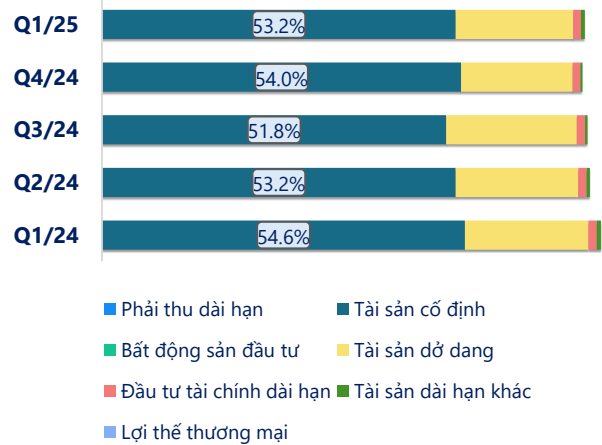
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

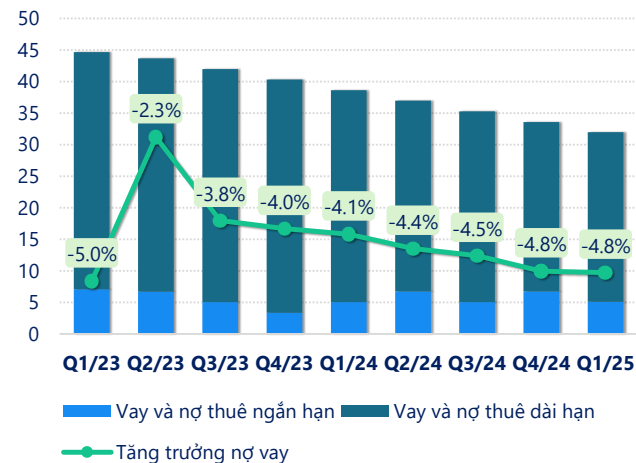
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

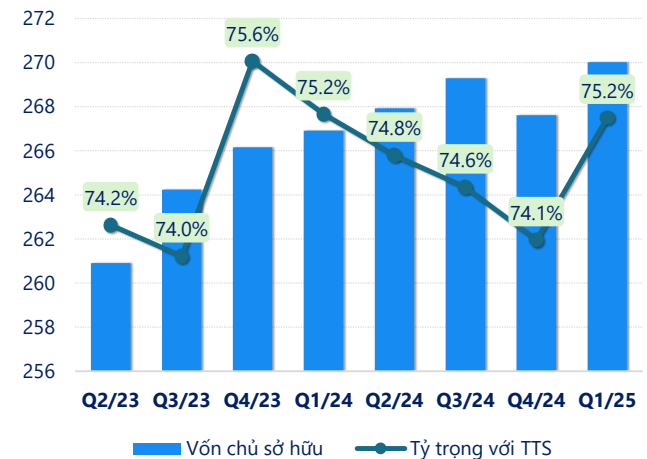
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

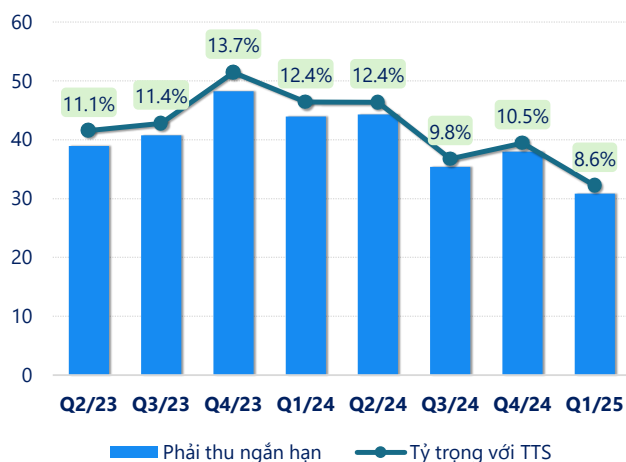
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



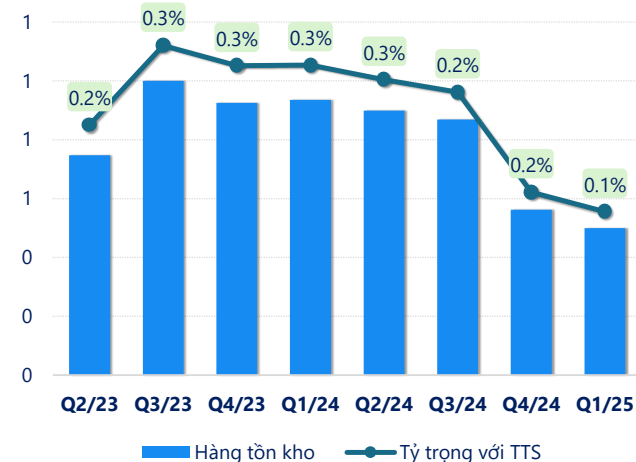
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


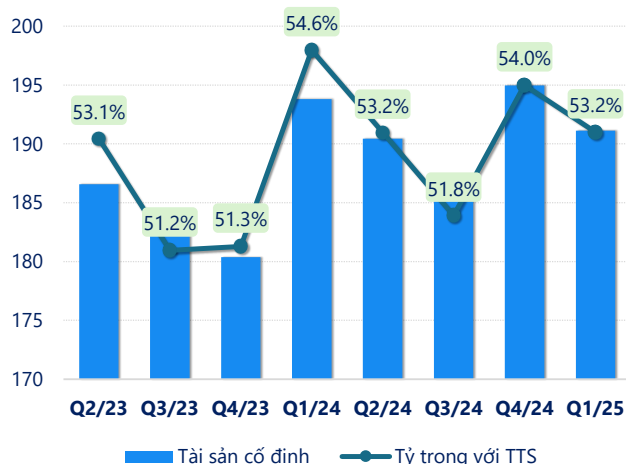
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


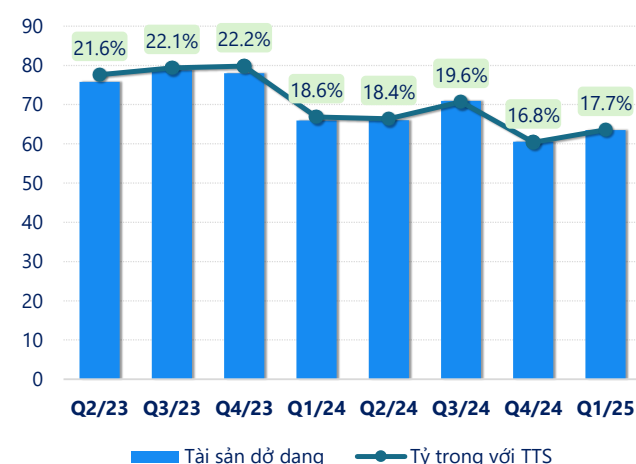
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

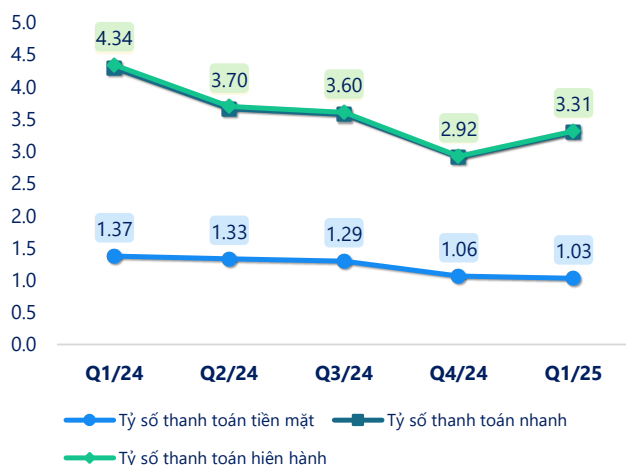
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

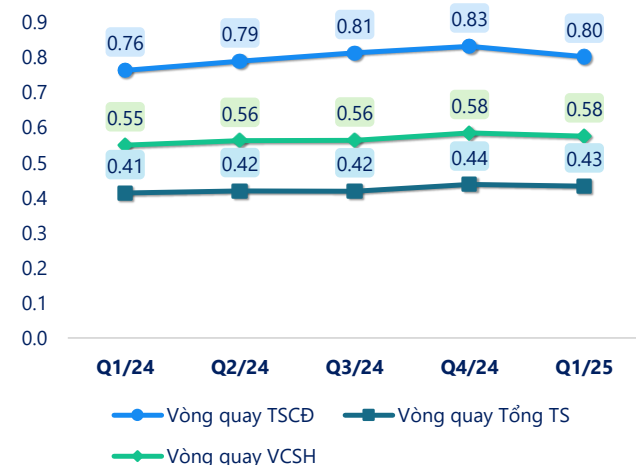
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	355	358	361	361	359
Tài sản ngắn hạn	88.6	95.3	97.3	100	98.3
Tiền và tương đương tiền	28.0	34.3	35.0	36.4	30.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.7	14.9	24.9	24.9	35.4
Phải thu ngắn hạn	43.9	44.3	35.4	38.0	30.8
Hàng tồn kho	0.94	0.90	0.87	0.56	0.50
Tài sản ngắn hạn khác	0.94	0.87	1.21	0.33	1.07
Tài sản dài hạn	266	263	264	261	261
Phải thu dài hạn	0.07	0.07	0.07	0.07	0.07
Tài sản cố định	194	190	187	195	191
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	65.9	66.0	71.0	60.6	63.5
Đầu tư tài chính dài hạn	4.50	4.50	4.50	4.27	4.27
Tài sản dài hạn khác	2.16	1.72	1.31	1.06	1.99
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	88.1	90.1	91.9	93.5	89.3
Nợ ngắn hạn	20.4	25.8	27.0	34.3	29.7
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.06	6.73	5.06	6.72	5.10
Phải trả người bán ngắn hạn	5.44	8.37	10.6	17.0	13.9
Nợ dài hạn	67.7	64.3	64.9	59.2	59.6
Vay và nợ thuê dài hạn	33.6	30.2	30.2	26.9	26.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	267	268	269	268	270
Vốn chủ sở hữu	267	268	269	268	270
Vốn điều lệ	275	275	275	275	275
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)